

BCH PCTT VÀ TKCN QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31 /PCTTTKCN
V/v cung cấp thông tin, dữ liệu
về cấp độ rủi ro thiên tai trên
địa bàn tỉnh

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 3 năm 2020

Kính gửi: Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4091/UBND-NNTN ngày 18/3/2020 về việc cung cấp thông tin, dữ liệu về cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh, theo đó, UBND tỉnh giao Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chủ trì, phối hợp cùng các sở, ngành, địa phương cung cấp các thông tin, dữ liệu liên quan theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1345/BTNMT-TCKTTV ngày 16/3/2020 để phục vụ xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai (cụ thể có bản chụp các văn bản kèm theo).

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo theo quy định, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đề nghị Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thị xã, thành phố cung cấp thông tin theo các Biểu mẫu kèm theo Công văn số 1345/BTNMT-TCKTTV ngày 16/3/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi về Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh **trước ngày 25/3/2020**.

Đề nghị Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thị xã, thành phố phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận: *h*

- Như trên;
- VPTT: C, PCVP, TT;
- Lưu VP (lwb22).



Bùi Đức Thái



Người ký: Ủy ban
nhân dân tỉnh
Quảng Ngãi
Cơ quan Tỉnh
Quảng Ngãi
Thời gian ký:
18.03.2020
10:58:08 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1091~~/UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 3 năm 2020

V/v cung cấp thông tin,
dữ liệu về cấp độ rủi ro
thiên tai trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng,
chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh

Thực hiện nội dung Công văn số 1345/BTNMT-TCKTTV ngày 16/3/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai (*bản chụp kèm theo*), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở ngành, địa phương nghiên cứu nội dung Công văn nêu trên của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có văn bản (*theo mẫu*) cung cấp thông tin, dữ liệu về cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và báo cáo UBND tỉnh. Thời gian hoàn thành *trước ngày 31/3/2020*.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCTTT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- VPUB: CVP, PCVP(NN), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNiv59.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tăng Bính

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 1345 /BTNMT-TCKTTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020

V/v cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Trong Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai có giao Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai cho phù hợp với thực tiễn, trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2020.

Để có cơ sở xây dựng Quy định cấp độ rủi ro thiên tai sát với thực tế và đảm bảo tính phù hợp, khả thi khi đưa vào thực hiện, Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị Quý Ủy ban cung cấp các thông tin, số liệu để phục vụ quá trình xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết cấp độ rủi ro thiên tai (danh sách các thông tin, số liệu tại các phụ lục kèm theo Công văn).

Các thông tin, số liệu đề nghị Quý Ủy ban gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản và qua hộp thư điện tử: vuqlb@monre.gov.vn trước ngày 31 tháng 03 năm 2020 để tổng hợp, phục vụ việc xây dựng Quyết định nêu trên.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Ủy ban./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCKTTV.Đ (70).

Ch



KT. BỘ TRƯỞNG Bộ Tài
THỦ TƯỚNG nguyên và Môi
trường
Cơ quan: Bộ Tài
nguyên và Môi
trường

Ngày ký:
16.03.2020 11:19:54

Lê Công Thành

Phụ lục 1
Số liệu thiệt hại do thiên tai gây ra theo từng huyện

STT	Huyện	Loại số liệu	Đơn vị tính	Thời gian					
				2010	2011		2018	2019	2020
1	Huyện A	Tổng thiệt hại hàng năm do bão/ATNĐ							
		Thiệt hại về người	người						
		Thiệt hại về tài sản	Tỷ đồng						
		Tổng thiệt hại hàng năm do mưa, lũ, ngập lụt							
		Thiệt hại về người	người						
		Thiệt hại về tài sản	Tỷ đồng						
		Tổng thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất							
		Thiệt hại về người	người						
		Thiệt hại về tài sản	Tỷ đồng						
		Thiệt hại do hạn hán	Tỷ đồng						
		Số hộ thiếu nước sinh hoạt	hộ						
		Diện tích nông nghiệp	ha						
		Thiệt hại do xâm nhập mặn	Tỷ đồng						
		Số hộ thiếu nước sinh hoạt	hộ						
		Diện tích nông nghiệp	ha						
		Diện tích thủy sản	ha						
2	Huyện B	Tổng thiệt hại hàng năm do bão/ATNĐ							
		Thiệt hại về người	người						
		Thiệt hại về tài sản	Tỷ đồng						
		Tổng thiệt hại hàng năm do mưa, lũ, ngập lụt							
		Thiệt hại về người	người						
		Thiệt hại về tài sản	Tỷ đồng						
		Tổng thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất							
		Thiệt hại về người	người						
		Thiệt hại về tài sản	Tỷ						

STT	Huyện	Loại số liệu	Đơn vị tính	Thời gian					
				2010	2011		2018	2019	2020
			đồng						
		Thiệt hại do hạn hán	Tỷ đồng						
		Số hộ thiếu nước sinh hoạt	hộ						
		Diện tích nông nghiệp	ha						
		Thiệt hại do xâm nhập mặn	Tỷ đồng						
		Số hộ thiếu nước sinh hoạt	hộ						
		Diện tích nông nghiệp	ha						
		Diện tích thủy sản	ha						

Phụ lục 2
Số liệu về kinh tế xã hội tại địa phương

Ghi chú: cập nhật số liệu đến thời điểm hiện tại

Tiêu chí	Loại số liệu	Đơn vị	Huyện		
			Huyện A	Huyện B	Huyện C
Nông nghiệp	Diện tích đất nông nghiệp	ha			
	Số lượng gia súc, gia cầm	con			
	Số lượng tàu thuyền	chiếc			
	Số khu neo đậu tàu thuyền	khu			
	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha			
	Thời gian mùa vụ				
	Diện tích rừng phòng hộ	ha			
Thương mại dịch vụ	Số lượng khu du lịch ven biển (nếu có)	khu			
	Số doanh nghiệp, cơ sở kinh tế đang hoạt động trên địa bàn				
Cơ sở hạ tầng	Diện tích đất ở	ha			
	Km đường giao thông gồm quốc lộ, tỉnh, lộ, huyện lộ	km			
	Số lượng công trình trọng điểm (trụ sở, trường học, trạm y tế)	công trình			
	Tỉ lệ nhà kiên cố/bán kiên cố	%			
	Mật độ đường giao thông	%			
Con người	Dân số	người			
	Tỷ lệ người già	%			
	Tỷ lệ trẻ em	%			
Kinh tế - xã hội	Tỷ lệ người tốt nghiệp THPT trở lên/ Tổng số dân	%			
	Thu nhập bình quân đầu người				
	Tỷ lệ GDP của ngành nông nghiệp	%			
	Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp	%			
	Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo	%			
	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%			
	Tỷ lệ người dân tham gia BHXH	%			
Môi trường	Số lượng khu khai thác khoáng sản/hồ chứa bùn thải	khu			
	Tỷ lệ hộ không sử dụng nước sạch	%			
Thông tin truyền	Tỷ lệ dân được tiếp cận với thông tin dự báo thời tiết	%			

Tiêu chí	Loại số liệu	Đơn vị	Huyện		
			Huyện A	Huyện B	Huyện C
thông	Tỷ lệ hộ gia đình có tivi	%			
	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng internet	%			
	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại	%			
Trình độ canh tác	Năng suất cây lương thực có hạt	tấn/ha			
	Năng suất hoa màu				
	Năng suất nuôi trồng thủy sản	tấn/ha			
PCTT	Tổng số hồ chứa thủy lợi, thủy điện	hồ			
	Số lượng trạm bơm	trạm			
	Mật độ kênh mương				
	Số Km đê sông, đê biển	Km			
Quản lý	Mức độ hiệu quả trong công tác quản lý của chính quyền (yếu đến mạnh)				
	Năng lực thể chế (mức từ 0 đến 1)				
	Chi phí cho công tác chuẩn bị và phòng chống thiên tai	tỷ đồng			

